

Số: 214 /GM-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 8 năm 2019

## **GIẤY MỜI**

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra thực tế và làm việc với UBND huyện Tây Trà về các nội dung: Tình hình thu ngân sách địa phương; tình hình thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, miền núi; hoạt động của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, cụ thể:

### **1. Thành phần:**

- Đồng chí Võ Phiên - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, chủ trì;
- Mời Thường trực Huyện ủy Tây Trà;
- Lãnh đạo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lãnh đạo Ban Dân tộc tỉnh;
- Lãnh đạo Cục Thuế tỉnh;
- Lãnh đạo Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND huyện Tây Trà và các phòng, ban liên quan của huyện, lãnh đạo xã Trà Thanh (Giao UBND huyện Tây Trà mời).
- Phóng viên: Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.
- VPUB: PCVP(KT), P.KT, NNTN, CBTH;

### **2. Thời gian, địa điểm và chuẩn bị nội dung**

a) Sáng ngày 15/8/2019 (Thứ 5), tại xã Trà Thanh, huyện Tây Trà.

- Từ 08h30 - 10h00: Kiểm tra thực tế việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo và các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, miền núi trên địa bàn xã.

- Từ 10h00 - 11h30: Làm việc tại trụ sở UBND xã Trà Thanh, để nghe UBND xã Trà Thanh báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, miền núi trên địa bàn xã trong 7 tháng đầu năm 2019, kế hoạch thực hiện năm 2019.

- Chuẩn bị nội dung: UBND xã Trà Thanh, UBND huyện Tây Trà đưa Đoàn kiểm tra thực tế, chuẩn bị nội dung và trực tiếp báo cáo tại cuộc họp.

b) Vào lúc 13h30, ngày 15/8/2019 (Thứ 5), tại trụ sở UBND huyện.

- Làm việc với UBND huyện Tây Trà: Để nghe lãnh đạo UBND huyện báo cáo đánh giá tình hình thu ngân sách địa phương; kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, miền núi trên địa bàn huyện trong 7 tháng đầu năm 2019, kế hoạch thực hiện năm 2019 (kể cả dự án vùng chuyên canh cây Quế); tình hình hoạt động của Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội huyện.

- Chuẩn bị nội dung: UBND huyện Tây Trà chuẩn bị nội dung và trực tiếp báo cáo tại cuộc họp.

Đề nghị các đồng chí tham dự đúng thành phần và thời gian./.

**Nơi nhận:**

- Thành phần dự họp;
- VPUB: P.QTTV;
- Lưu: VT, KT

**TL.CHỦ TỊCH  
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Lê Quốc Đạt**

## **BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững; chính sách dân tộc; chính sách tín dụng ưu đãi 07 tháng đầu năm 2019; phương hướng, nhiệm vụ 05 tháng cuối năm 2019**

Thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về kiểm tra kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững; chính sách dân dân tộc; chính sách tín dụng ưu đãi năm 2018 và 06 tháng đầu năm 2019. Ủy ban nhân dân huyện Tây Trà báo cáo những nội dung như sau:

### **PHẦN THỨ NHẤT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

#### **I. Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh**

##### **1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:**

Giá trị sản xuất các ngành (theo giá so sánh 2010) 06 tháng đầu năm 2019 đạt 109.596,2 triệu đồng<sup>1</sup>, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó: Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp đạt 33.398,4 triệu đồng, tăng 14,8%; công nghiệp, xây dựng đạt 43.306,7 triệu đồng, tăng 12,27% so với cùng kỳ; dịch vụ đạt 32.891,1 triệu đồng, tăng 13,5%. Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Nông-lâm-ngư nghiệp chiếm 33,35%, công nghiệp-xây dựng chiếm 40,34% và thương mại - dịch vụ chiếm 26,32%.

##### **2. Địa lý, dân số, đơn vị hành chính, tỷ lệ hộ nghèo:**

Huyện Tây Trà là một huyện miền núi cao đặc biệt khó khăn có 9 xã và 36 thôn với 4.697 hộ, trong đó số hộ đồng bào dân tộc chiếm khoảng 97% so với tổng số hộ trên địa bàn huyện, dân số tính đến ngày 31/12/2018 là 20.421 người; hộ nghèo đến cuối năm 2018 trên địa bàn huyện là 3.013 hộ chiếm tỷ lệ 64,15%; tỷ lệ hộ nghèo so với năm 2017 giảm 6,39% (tương ứng với 312 hộ thoát nghèo, trong đó 137 hộ chuyển qua cận nghèo, 87 hộ nghèo phát sinh và 05 hộ tái nghèo); hộ cận nghèo 634 hộ chiếm tỷ lệ 13,5%, tỷ lệ hộ cận nghèo so với năm 2017 tăng 0,73% (tương ứng với 100 hộ thoát cận nghèo, 137 hộ cận nghèo phát sinh từ hộ nghèo năm 2017 chuyển qua và 08 hộ tái cận nghèo).

Huyện có tổng diện tích tự nhiên trên địa bàn huyện 33.910,27 ha, trong đó: diện tích đất nông nghiệp 30.634,84 ha, chiếm 90,34% tổng diện tích tự nhiên (gồm: đất lâm nghiệp 21.102,99 ha, chiếm 62,23% tổng diện tích tự nhiên); đất phi nông nghiệp 1.944,38 ha, chiếm 5,73% tổng diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng 1.331,04 ha, chiếm 3,93% tổng diện tích tự nhiên. Phía Bắc và

<sup>1</sup>. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành đạt 162.819,5 triệu đồng.

Tây Bắc giáp với huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp với huyện Sơn Hà và huyện Sơn Tây, phía Đông giáp với huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

Nguyên nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh nhiều dẫn đến tỷ lệ mức giảm nghèo đạt thấp: đa phần hộ nghèo phát sinh mới do các biến cố như đau ốm, tai nạn nên thiếu lao động chính trong hộ; đa phần người dân là dân tộc thiểu số nên trình độ dân trí còn thấp, dẫn đến ý thức làm ăn phát triển kinh tế hộ gia đình chưa có và không biết cách làm ăn, chưa mạnh dạn đầu tư vào trong sản xuất và chăn nuôi để phát triển sản xuất để tăng thu nhập. Bên cạnh đó còn chịu ảnh hưởng thiên tai, bão lũ đã tác động mạnh đến đời sống nhân dân nên tỷ lệ hộ nghèo giảm còn thấp.

### **3. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:**

Trong những năm qua, tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội và đoàn kết dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện luôn được đảm bảo ổn định. Đồng bào luôn phát huy truyền thống xây dựng và đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc, tích cực lao động sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, phát huy vai trò của người có uy tín, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới vì thế đã góp phần giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Tuy nhiên tình hình vùng dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều nguy cơ bất ổn, tình hình vi phạm an toàn giao thông vẫn còn xảy ra.

Tình hình sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc nhìn chung đã ổn định hiện bà con trong vùng đã thu hoạch lúa và khai thác các loại lâm sản, tích cực trồng rừng sản xuất như keo, quế và đẩy mạnh các hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm (trâu, bò, dê, heo, gà,...) tiếp tục được đầu tư phát triển.

Công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho đồng bào luôn được duy trì thường xuyên, công tác phòng chống và kiểm tra giám sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn huyện được tăng cường và quan tâm kịp thời, nhất là trong thời điểm giao mùa. Tuy nhiên công tác phòng chống và điều trị bệnh trên địa bàn vẫn còn nhiều khó khăn do cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ y tế, bác sỹ không đảm bảo để phục vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Về công tác giáo dục và đào tạo được quan tâm đầu tư, đội ngũ giáo viên thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuẩn hóa, chất lượng đội ngũ giáo viên được nâng lên đáng kể đặc biệt đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số đạt chuẩn ngày càng cao, các cơ sở trường lớp học, dụng cụ hỗ trợ giảng dạy được đầu tư để phục vụ cho việc dạy và học, tỷ lệ học sinh đến lớp được đảm bảo, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, THCS đảm bảo đúng độ tuổi. Tuy nhiên còn một số điểm trường, lớp chưa được kiên cố hóa, thiếu trang thiết bị. Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập, nhiều lao động được đào tạo nhưng không có việc làm.

## **II. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành:**

Trong những năm qua Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy nhanh sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực nhằm rút ngắn khoảng cách giữa đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn.

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQGGN bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản bậc biệt khó khăn; Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 15/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 18/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/2/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 4 về việc thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 8 về việc quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung danh mục và định mức giống cây trồng của quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo Nghị Quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ tại các huyện nghèo của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 30/9/2017 ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành, Trung ương, của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện như Quyết định: số 158/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Tây Trà giai đoạn 2016-2020; số 55/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 56/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 về việc phân công nhiệm vụ các thành viên của Ban Chỉ đạo

các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Tây Trà giai đoạn 2016-2020. Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo huyện phụ trách theo dõi các dự án do mình phụ trách để triển khai thực hiện và hướng dẫn các xã trong việc thực hiện các Chính sách giảm nghèo trên địa bàn xã; số 1316a/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Tây Trà giai đoạn 2017 - 2020; Kế hoạch số 593/KH-UBND ngày 14/4/2016 về thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020” trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 823/KH-UBND ngày 17/5/2016 về việc triển khai thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

Công tác quản lý, chỉ đạo triển khai thực hiện thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo đồng bộ và lồng ghép các nguồn lực đầu tư. Công tác kiểm tra, giám sát được quan tâm thực hiện thường xuyên; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý giải quyết những phát sinh, vướng mắc kịp thời; hiệu lực hiệu quả về công tác quản lý nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được đảm bảo. Kịp thời xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hàng năm và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện; đồng thời, thành lập Ban Chỉ đạo huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, ban hành quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Tập trung triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy tại Kết luận số 10-KL/HU ngày 10/4/2017 về phát động Cuộc vận động “Giảm một hộ nghèo” gắn với mỗi cơ quan, đơn vị hỗ trợ, giúp đỡ để giảm ít nhất một hộ nghèo/năm; hướng dẫn các địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình giảm nghèo; chính sách cho vay ưu đãi; chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục,... tạo điều kiện cho các hộ nghèo tiếp cận với các chính sách ưu đãi của Nhà nước để phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo bền vững.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO, CHÍNH SÁCH CÔNG TÁC DÂN TỘC, CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI; DỰ ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG CHUYÊN CANH CÂY QUẾ; TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN 07 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

**I. Tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 07 tháng đầu năm 2019:**

**1. Kết quả thực hiện Chương trình 30a của Chính phủ:**

**1.1. Kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 1 – Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:**

Tổng kế hoạch vốn tỉnh phân bổ cho huyện thực hiện 07 tháng đầu năm 2019 là 44.786 (trong đó: *Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 43.139 triệu đồng, vốn duy tu bảo dưỡng 1.647 triệu đồng*) để thực hiện trả nợ hoàn thành 06 công trình (gồm 02 công trình y tế, 02 công trình giáo dục, 01 công trình điện, 01 công trình giao thông), thực hiện chuyển tiếp 03 công trình (gồm: 01 công trình điện sinh hoạt, 01 công trình giáo dục, 01 công trình giao thông), đầu tư xây dựng mới 05 công trình (gồm: 03 công trình giáo dục, 02 công trình giao thông) và duy tu bảo dưỡng 06 công trình. Đã thực hiện giải ngân được 9.420,15 triệu đồng, đạt 21,03% kế hoạch vốn (*chủ yếu là giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; vốn duy tu bảo dưỡng chưa thực hiện giải ngân*), cụ thể như sau:

**a) Về kết quả thực hiện và giải ngân vốn đầu tư cơ sở hạ tầng:**

Kế hoạch vốn tỉnh phân bổ 43.139 triệu đồng để thực hiện trả nợ hoàn thành 06 công trình (gồm 02 công trình y tế, 02 công trình giáo dục, 01 công trình điện, 01 công trình giao thông), thực hiện chuyển tiếp 03 công trình (gồm: 01 công trình điện sinh hoạt, 01 công trình giáo dục, 01 công trình giao thông), đầu tư xây dựng mới 05 công trình (gồm: 03 công trình giáo dục, 02 công trình giao thông); đã thực hiện giải ngân được 9.420,15 triệu đồng, đạt 21,84% kế hoạch vốn.

*(cụ thể chi tiết có Phụ lục số 01 kèm theo).*

**b) Vốn sự nghiệp hỗ trợ duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng:**

Kế hoạch vốn tỉnh phân bổ là 1.647 triệu đồng để thực hiện duy tu bảo dưỡng 06 công trình, hiện nay các địa phương được giao kế hoạch vốn trình HĐND cùng cấp thông qua danh mục công trình để thực hiện sửa chữa, nâng cấp; đồng thời, các địa phương hoàn chỉnh lập các thủ tục trình cơ quan chuyên môn thẩm định. Chưa thực hiện giải ngân.

*(cụ thể chi tiết có phục lục số 03 kèm theo).*

**c) Tiểu dự án 3 của Dự án 1 – Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện:**

Tổng kế hoạch vốn tỉnh phân bổ cho huyện 07 tháng đầu năm 2019 là 6.759 triệu đồng (bao gồm kể cả nguồn vốn đối ứng ngân sách huyện là 1.000 triệu đồng) các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao kế hoạch vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo đang xây dựng các dự án, trình thẩm định và phê duyệt để có cơ sở triển khai việc hỗ trợ cây, con giống cho các hộ dân được lựa chọn. Chưa thực hiện giải ngân.

*(cụ thể chi tiết có phục lục số 02 kèm theo).*

**d) Tiểu dự án 4 của Dự án 1 – Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài:**

Trong những năm gần đây công tác xuất khẩu lao động của huyện đang gặp nhiều khó khăn, người tham gia công tác xuất khẩu lao động hầu như không đăng ký tham gia, tâm lý sợ rủi ro, ngại đi xa gia đình, chưa có quyết tâm sẵn sàng đi làm việc ở nước ngoài; phần đông con em là người địa phương chủ yếu

là lao động phổ thông, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tay nghề của người lao động còn thấp cũng là lực cản nên chỉ phù hợp với thị trường các nước Đông Nam Á, chủ yếu phù hợp với thị trường Malaysia, nhưng mức lương quá thấp nên không thu hút người lao động đăng ký tham gia; mặt khác, các thị trường khác như: Hàn Quốc, Nhật Bản thì lao động địa phương không đủ điều kiện tiêu chuẩn.

Kế hoạch vốn tỉnh phân bổ thực hiện công tác xuất khẩu lao động năm 2019 là 379 triệu đồng. Hiện nay, huyện đã xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị có chức năng xuất khẩu lao động để tổ chức tuyên truyền, tư vấn xuất khẩu lao động trong năm 2019.

***d) Dự án 5 – Hoạt động nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện chương trình:***

Kinh phí thực hiện năm 2019 là 38 triệu đồng, để hỗ trợ công tác tập huấn nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình trên địa bàn huyện theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

**2. Kết quả thực hiện Chương trình 135:**

***2.1. Kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 2 – Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:***

Tổng kế hoạch vốn tỉnh phân bổ cho huyện thực hiện 07 tháng đầu năm 2019 là 7.640 triệu đồng (trong đó: vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng là 6.889 triệu đồng, vốn duy tu bảo dưỡng 751 triệu đồng. Đã thực hiện giải ngân được 2.066,7 triệu đồng, đạt 27,05% kế hoạch vốn giao (*chủ yếu là giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; vốn duy tu bảo dưỡng chưa thực hiện giải ngân*), cụ thể như sau:

***a) Về kết quả thực hiện và giải ngân vốn đầu tư cơ sở hạ tầng:***

Kế hoạch vốn tỉnh phân 07 tháng đầu năm 2019 là 6.889 triệu đồng, để thực hiện đầu tư xây dựng mới 07 công trình (gồm: 04 công trình nước sinh hoạt tập trung, 01 công trình thủy lợi, 02 công trình giao thông); đã thực hiện giải ngân được 2.066,7 triệu đồng, đạt 30% kế hoạch vốn.

*(cụ thể chi tiết có Phụ lục số 01 kèm theo).*

***b) Vốn sự nghiệp hỗ trợ duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng:***

Kế hoạch vốn tỉnh phân bổ là 751 triệu đồng để thực hiện duy tu bảo dưỡng 03 công trình, hiện nay các địa phương được giao kế hoạch vốn trình HĐND cùng cấp thông qua danh mục công trình để thực hiện sửa chữa, nâng cấp; đồng thời, các địa phương hoàn chỉnh lập các thủ tục trình cơ quan chuyên môn thẩm định và phê duyệt để triển khai thực hiện, sớm giải ngân kế hoạch vốn được giao. Tính đến thời điểm hiện nay, chưa thực hiện giải ngân.

*(cụ thể chi tiết có phụ lục số 04 kèm theo).*



*c) Tiêu dự án 2 của Dự án 2 – Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện:*

Tổng kế hoạch vốn tỉnh phân bổ cho huyện 06 tháng đầu năm 1.731 triệu đồng, các địa phương được giao kế hoạch vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, hiện nay các địa phương đang xây dựng các dự án, trình thẩm định và phê duyệt để có cơ sở triển khai việc hỗ trợ cây, con giống cho các hộ dân được lựa chọn.

*(cụ thể chi tiết có phục lục số 02 kèm theo).*

### **3. Đánh giá chung:**

Trong các năm qua, bằng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, đã thực hiện đầu tư xây dựng các công trình như: Điện sinh hoạt nông thôn cho các hộ dân, đường giao thông, trạm y tế, trường học, nước sinh hoạt, thủy lợi,... từ đó diện mạo ở nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã từng bước thay đổi rõ rệt, tỷ lệ xã có đường giao thông, trường học, y tế, điện được nâng lên. Hiện nay 100% xã có đường giao thông từ trung tâm xã về trung tâm huyện được bê tông cứng hóa; 100% thôn có đường giao thông về trung tâm xã; tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 80%, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện lưới quốc gia đạt trên 92%, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

Thông qua việc thực hiện hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã góp phần cải thiện đời sống, tạo sinh kế nâng cao thu nhập cho người dân, phát huy và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả; tạo sự chuyển biến trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, từng bước thay đổi dân phương thức sản xuất, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho lao động nông thôn; giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của người dân vươn lên thoát nghèo và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

## **II. Tình hình thực hiện các chính sách dân tộc 07 tháng đầu năm 2019**

Chính sách dân tộc và miền núi là chính sách luôn được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, được đầu tư hỗ trợ toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng,... nhiều chính sách luôn được bổ sung và ban hành mới. Đảng bộ và chính quyền các cấp luôn quan tâm đến công tác dân tộc, quá trình nhận thức về công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn huyện được nâng lên rõ rệt, vì vậy trong năm huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả một số chương trình, chính sách dân tộc, ưu tiên nguồn lực thực hiện các chính sách trên địa bàn, giải quyết tốt các chính sách an sinh xã hội, đẩy mạnh công tác giảm nghèo, kịp thời giải quyết những khó khăn bức xúc, kiến nghị trong dân và chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn huyện tương đối ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, an sinh xã hội được đảm bảo, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế đạt được những kết quả tốt. Từ kết quả thực hiện một số chương trình, dự án, chính sách đã tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn có cuộc sống tương đối ổn định hơn, nhân dân đã phần khởi tích cực lao động sản xuất, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

### **1. Chính sách người có uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:**

Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2019 là 233 triệu đồng, được UBND huyện phê duyệt kế hoạch và dự toán thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 27/3/2019.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các địa phương rà soát, tổ chức bầu chọn người có uy tín trong cộng đồng dân cư ở cấp thôn, đảm bảo đủ số lượng mỗi thôn có một người uy tín theo quy định chung, hiện nay trên địa bàn huyện có 36 người uy tín tại 36 thôn. Trong 07 tháng đầu năm, huyện tổ chức cho 36 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình phát triển kinh tế gia đình; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; tham quan một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh tại huyện Ba Tơ và huyện Minh Long; đồng thời, hỗ trợ vật chất tinh thần, thăm ốm đau, thăm tết, khen thưởng cho người có uy tín. Lực lượng người có uy tín trên địa bàn huyện tích cực trong công tác tuyên truyền, giải thích, vận động đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chủ động nắm tình hình dư luận xã hội, đời sống, sản xuất, tâm tư nguyện vọng của đồng bào các dân tộc để phản ánh kịp thời về các cơ quan chức năng có liên quan. Ngoài ra, người có uy tín thường xuyên hướng dẫn, giúp đỡ người dân phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, tích cực hưởng ứng, ủng hộ tham gia xây dựng nông thôn mới và các cuộc vận động, phòng trào thi đua tại địa phương.

### **2. Chính sách thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số”:**

Kinh phí giao năm 2019 để thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống là 85 triệu đồng. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 về việc bổ sung kinh phí và phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện phê duyệt dự toán thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2019”, trong đó: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số trong hôn nhân, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống là 38,76 triệu đồng; tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cộng tác viên tham gia thực hiện Đề án là 46,24 triệu đồng.

**3. Chính sách theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020:**

Sau khi có Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 02/6/2018 của UBND tỉnh, đây là các chính sách đặc thù của tỉnh, chính vì vậy ngay từ đầu năm 2019, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa và tầm quan trọng của chính sách đối với Nhân dân trên địa bàn huyện, trên cơ sở đó vận động quần chúng Nhân dân tích cực tham gia; đồng thời, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện. Nhờ thực hiện các chính sách trên đã tạo thêm động lực trong Nhân dân để phấn đấu thoát nghèo, thoát cận nghèo, bước đầu đã tạo sự lan tỏa của chính sách.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng trong năm 2019 là 1.522,3 triệu đồng, trong đó: Nhu cầu kinh phí hỗ trợ 01 lần bằng tiền mặt cho hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục: 2017 - 2018 là 930 triệu đồng; hỗ trợ 01 lần bằng tiền mặt đối với hộ gia đình thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2017 - 2018 là 385 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm 2017 – 2018 là 135 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc hộ gia đình thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo đã thụ hưởng chính sách này trong năm 2018 là 42,3 triệu đồng; hỗ trợ 01 lần bằng tiền mặt đối với hộ gia đình thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2016 - 2017 (*chưa thụ hưởng trong năm 2018*) là 30 triệu đồng hộ.

**4. Chính sách theo Quyết định 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về ban hành Chính sách hỗ trợ sinh viên, học sinh cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2020 – 2021:**

Chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 là một chính sách ưu đãi giáo dục, góp phần động viên khích lệ và giảm bớt một phần khó khăn cho gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số khi có con đang theo học tại các lớp đại học hệ chính quy, cao học hoặc nghiên cứu sinh tại các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học. Hiện nay, UBND huyện đang thực hiện công tác rà soát, thống kê, tổng hợp, lập, phê duyệt danh sách để có cơ sở thực hiện.

**5. Thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn” giai đoạn 2019 – 2021.**

Chính sách này được Ban Dân tộc tỉnh chủ trì thực hiện thông qua Buu điện huyện thực hiện cấp phát trực tiếp các ấn phẩm báo chí, tạp chí dân tộc và

phát triển đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc đối tượng thụ hưởng trên địa bàn huyện. UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các đơn vị và địa phương thường xuyên theo dõi các số báo được cấp để đón đọc, nắm bắt thông tin, cập nhật những mô hình áp dụng khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm thực tiễn được phân ảnh đề học hỏi, áp dụng vào điều kiện địa phương.

#### **6. Chính sách thực hiện Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số:**

Nhằm tạo sự chuyển biến tích cực trong thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ ở vùng dân tộc thiểu số, góp phần thúc đẩy thực hiện thành công các mục tiêu của Chiến lược quốc gia bình đẳng giới, ngày 28/11/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025" tại Quyết định số 1898/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. UBND huyện xây dựng và thực hiện các mô hình nhằm thúc đẩy bình đẳng giới thông qua các can thiệp phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, hỗ trợ phát triển kỹ năng xã hội và năng lực kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

Thực hiện các giải pháp như: Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới bằng nhiều hình thức phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán địa phương; tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực gia đình trong các trường học.

#### **7. Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng miền núi nhân dịp Tết Nguyên đán:**

Thực hiện theo Quyết định 951/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cấp phát các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019. Tổng số hộ được cấp phát 03 mặt hàng thiết yếu (nước mắm, dầu ăn, muối Iốt), với tổng số hộ được thụ hưởng 4.553 hộ, với 19.863 khẩu; tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ là 819,529 triệu đồng. Các mặt hàng thiết yếu đã cấp đảm bảo đúng số lượng, định mức, chất lượng theo quy định tại Quyết định 951/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

#### **8. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế:**

Trong 07 tháng đầu năm 2019, đã thực hiện mua và cấp phát 19.735 trẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng trên địa bàn huyện (gồm: 11.546 trẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo; 3.961 thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 729 thẻ bảo hiểm y tế y tế cho đối tượng người sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn; 713 thẻ bảo hiểm y tế nhóm đối tượng bảo trợ xã hội; 2.448 thẻ bảo hiểm y tế nhóm đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi; 338 thẻ bảo hiểm y tế nhóm đối tượng người có công cách mạng.

#### **9. Thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020 theo Quyết định 2085 của Thủ tướng Chính phủ:**

Thực hiện chính sách hỗ trợ vay vốn ưu đãi giúp hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo phát triển sản xuất, tạo quỹ đất sản xuất theo theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg, 755/QĐ-TTg và 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, huyện đã tập trung chỉ đạo Ban Đại diện Hội đồng quản trị, Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện và chính quyền địa phương tập trung tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách, đơn giản hóa thủ tục cho vay, giúp đối tượng thuộc diện được thụ hưởng chính sách tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi để tạo quỹ đất sản xuất, đầu tư phát triển, giải quyết việc làm.

Hàng năm, căn cứ nhu cầu vốn vay tại Chương trình tín dụng theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ của các địa phương, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch nguồn vốn tín dụng ưu đãi trên địa bàn huyện nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn tín dụng để cho vay hỗ trợ tín dụng các đối tượng chính sách thuộc đối tượng. Năm 2019, toàn huyện được giao chỉ tiêu cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 2.000 triệu đồng. Đến ngày 30/6/2019, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã thực hiện cho vay với tổng dư nợ đạt 1.985 triệu đồng, đạt 99,25% kế hoạch vốn giao, với 71 hộ được tiếp cận vốn vay để phát triển chăn nuôi và trồng rừng trong năm 2019.

#### **10. Chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:**

Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó ưu tiên giải quyết trước cho các đối tượng hộ nghèo là hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình đang sinh sống ở thôn, xã đặc biệt khó khăn. Kế hoạch thực hiện năm 2019 hỗ trợ cho vay 37 hộ để thực hiện xây dựng 37 nhà, kinh phí thực hiện là 925 triệu đồng.

**11. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội:** Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội năm 2019 là 3.212 hộ, kinh phí thực hiện 1.021,42 triệu đồng.

#### **12. Thực hiện chính sách giáo dục:**

Trong năm học 2018 - 2019, đã thực hiện hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ là 14.497,125 triệu đồng; hỗ trợ theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ là 4.224,215 triệu đồng; hỗ trợ theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP của Chính phủ là 1.906,477 triệu đồng; hỗ trợ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính là 292,305 triệu đồng. Đã thực hiện hỗ trợ gạo theo Nghị định số 86/2016/NĐ-CP của Chính phủ là 570,575 tấn.

**13. Thực hiện Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai**

**đoạn 2017-2021” theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:**

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp chặt chẽ với Ban Dân tộc tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2018 – 2021”, với mục tiêu là cung cấp thông tin liên quan đến pháp luật được kịp thời, chính xác, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số với Đảng, Nhà nước. Đến nay 100% cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, 100% cán bộ công chức, viên chức được giao nhiệm vụ là công tác phổ biến, tuyên truyền vùng đồng bào dân tộc thiểu số được cung cấp, cập nhật thông tin liên quan đến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc để thực hiện nhiệm vụ; trên 50% đồng bào được phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.

**\* Đánh giá chung**

**- Kết quả đạt được:**

+ Chính sách dân tộc và miền núi là chính sách luôn được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, được đầu tư hỗ trợ toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng,... nhiều chính sách luôn được bổ sung và ban hành mới.

+ Đảng bộ và chính quyền các cấp luôn quan tâm đến công tác dân tộc, quá trình nhận thức về công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn huyện được nâng lên rõ rệt, vì vậy trong 07 tháng đầu năm huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả một số chương trình, chính sách dân tộc, ưu tiên nguồn lực thực hiện các chính sách trên địa bàn, giải quyết tốt các chính sách an sinh xã hội, đẩy mạnh công tác giảm nghèo, kịp thời giải quyết những khó khăn bức xúc, kiến nghị trong dân và chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn.

+ Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn huyện tương đối ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, an sinh xã hội được đảm bảo, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế đạt được những kết quả tốt.

+ Từ kết quả thực hiện một số chương trình, dự án, chính sách đã tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn có cuộc sống tương đối ổn định hơn, nhân dân đã phấn khởi tích cực lao động sản xuất, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

**- Một số hạn chế:**

+ Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách đến với nhân dân chưa được đồng bộ, chưa hiệu quả. Một số người dân chưa hiểu đầy đủ về các chính sách dân tộc và mục tiêu đã đề ra nên chưa chủ động tham gia, còn trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước.

+ Việc triển khai tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ còn chậm, chất lượng chưa cao, công tác theo dõi, tổng hợp đánh giá tình hình và kết quả thực hiện chính sách dân tộc của một số đơn vị, địa phương còn hạn chế, chất lượng thông tin, báo cáo chưa kịp thời, đầy đủ, gây ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, chỉ đạo, điều hành.

+ Nguồn lực ngân sách phân bổ để thực hiện các chương trình chính sách còn thấp so với kế hoạch. Tiến độ giải ngân nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững còn thấp chỉ đạt 23% kế hoạch vốn giao; Kế hoạch vốn 2018 chuyển sang năm 2019 Chương trình 30a, Chương trình 135 chưa có quyết định cho phép kéo dài thời gian thực hiện và một phần là do các chủ đầu tư còn chủ quan không kịp lên khối lượng thanh toán khi công trình đã hoàn thành.

+ Do nhiều nguyên nhân, hiện nay do công tác giải phóng mặt bằng còn rất nhiều khó khăn, đặc biệt là các công trình xây dựng theo quyết định của UBND tỉnh, chưa kịp thời giải quyết các vướng mắc bồi thường giải phóng mặt bằng trong quá trình thi công, các nhà thầu thi công xây lắp chưa huy động đầy đủ nhân lực, thiết bị, vật tư, không xây dựng được kế hoạch tổ chức thi công đáp ứng theo yêu cầu, nên tiến độ thi công của một số công trình còn chậm so với kế hoạch đề ra.

+ Tình hình thời tiết khắc nghiệt, địa hình đồi núi, chất lượng nguồn nhân lực thấp, thiếu việc làm, thu nhập không ổn định, tỷ lệ hộ nghèo cao, số hộ thoát nghèo chưa bền vững có nguy cơ tái nghèo.

### **III. Kết quả thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng; tình hình thu, chi ngân sách trên địa bàn huyện 07 tháng đầu năm 2019**

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch tín dụng được giao năm 2019, Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã ban hành các quyết định phân khai kịp thời các chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2019 cho các xã, đảm bảo theo đúng nội dung tại Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội; đồng thời, chỉ đạo các địa phương tổ chức triển khai họp bình xét cho vay đúng đối tượng, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn huyện, cụ thể:

#### **1. Kết quả thực hiện công tác tín dụng chính sách đến ngày 30/6/2019 và ước thực hiện cả năm 2019:**

##### *a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tín dụng:*

- Doanh số cho vay trong 06 tháng đầu năm 2019 là 15.105 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 2019 đạt 23.500 triệu đồng, với 648 lượt hộ được vay vốn; doanh số thu nợ 06 tháng đầu năm đạt 8.966 triệu đồng và ước thực hiện cả năm 2019 là 11.500 triệu đồng.

- Tổng dư nợ các chương trình tín dụng đến ngày 30/6/2019 đạt 79.296 triệu đồng, tăng 6.139 triệu đồng so với đầu năm 2019, đạt 98,85% chỉ tiêu kế

hoạch tỉnh giao, gồm 82 Tổ tiết kiệm và vay vốn, với 3.068 lượt hộ vay còn dư nợ.

- Tổng dư nợ các chương trình tín dụng ước thực hiện cả năm 2019 là 85.156 triệu đồng, tăng so với đầu năm 2019 là 12.000 triệu đồng.

*b) Chất lượng tín dụng thực hiện năm 2019:*

Nợ xấu tính đến ngày 30/6/2019 là 201 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,2% so với tổng dư nợ (trong đó: Nợ quá hạn 175 triệu đồng, tăng 49 triệu đồng so với đầu năm 2019, chiếm tỷ lệ 0,22% so với tổng dư nợ và ước thực hiện năm 2019 đạt 100 triệu đồng, giảm 26 triệu đồng so với đầu năm 2019; nợ khoanh 26 triệu đồng, giảm 90 triệu đồng so với đầu năm, chiếm tỷ lệ 0,033% so với tổng dư nợ).

**2. Thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước:**

**2.1. Tình hình nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước**

a) Tổng thu ngân sách nhà nước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 là 225.103,775 triệu đồng, đạt 96,09% dự toán HĐND huyện, tỉnh giao, trong đó:

- Thu ngân sách trên địa bàn 8.330,662 triệu đồng, đạt 98% so với dự toán HĐND huyện, tỉnh giao.

- Thu bổ sung ngân sách tỉnh đạt 180.572 triệu đồng (trong đó: thu bổ sung cân đối ngân sách 128.936,11 triệu đồng; thu bổ sung có mục tiêu 51.636,383 triệu đồng)

- Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang 31.305 triệu đồng, trong đó: Ngân sách cấp huyện 31.305 triệu đồng

**2.2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương:**

Tổng chi ngân sách thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2019 là 130.550,416 triệu đồng, đạt 54,95% so với dự toán HĐND huyện và UBND tỉnh giao, trong đó: Chi đầu tư phát triển 11.938,401 triệu đồng. Chi thường xuyên đạt 88.055,326 triệu đồng, đạt 43,6% dự toán HĐND huyện và tỉnh giao.

**IV. Kết quả thực hiện Dự án vùng chuyên canh cây Quế**

Việc đầu tư Dự án phát triển vùng chuyên canh cây quế tại huyện Tây Trà sẽ tạo vùng nguyên liệu phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu, giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân, từng bước giảm nghèo bền vững, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện; tăng độ che phủ của rừng và bảo vệ môi trường sinh thái; đồng thời, tạo điều kiện cho việc bảo tồn cây quế truyền thống của huyện.

**1. Kết quả thực hiện:**

Dự án phát triển vùng chuyên canh cây Quế được Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân tham gia dự án phát triển vùng chuyên canh cây Quế. Tổng kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 28.539,572 triệu đồng, trong đó: kinh phí thực hiện giai



đoạn 2016-2018 là 11.739,572 triệu đồng, kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2019-2020 là 16.800 triệu đồng. Cụ thể như sau:

### ***1.1. Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018:***

Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2016-2018 là 11.739,572 triệu đồng được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 (trong đó ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện là 11.000 triệu đồng, kinh phí đối ứng ngân sách huyện là 739,572 triệu đồng). Trên cơ sở dự án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực ngành trực tiếp quản lý, theo dõi dự án và thực hiện các quy trình đầu tư theo quy định đối với dự án lâm nghiệp.

Quy mô dự án: Tổng diện tích quy hoạch thực hiện là 1.100,45 ha, với 2.356 hộ gia đình tham gia dự án; thời gian thực hiện giai đoạn 2016-2018; phạm vi thực hiện 9/9 xã trên địa bàn huyện. Lộ trình thực hiện: Năm 2016, đầu tư cho 03 xã (Trà Phong, Trà Xanh, Trà Trung), với tổng số hộ tham gia là 767 hộ/327,27 ha; năm 2017, thực hiện đầu tư cho 03 xã (Trà Quân, Trà Khê, Trà Lãnh), với tổng số hộ tham gia là 803 hộ/417,96 ha; năm 2018, thực hiện đầu tư cho 03 xã (Trà Nham, Trà Thanh, Trà Thọ), với tổng số hộ tham gia là 786 hộ/355,22 ha.

#### ***Kết quả thực hiện trong các năm như sau:***

a) Năm 2016: Tổ chức thực hiện cung ứng 1.799.500 cây quế giống (trong đó: cung ứng 600.000 cây quế túi bầu, quế rễ trần 1.190.500 cây) để thực hiện trồng với tổng diện tích 327,18 ha/748 hộ tham gia. Tổng kinh phí thực hiện 3.600 triệu đồng, cụ thể:

- Xã Trà Phong cung ứng 1.400.500 cây quế giống (quế túi bầu 436.000 cây, quế rễ trần 964.500 cây), với tổng diện tích trồng 254,64 ha/605 hộ tham gia.

- Xã Trà Xanh thực hiện cung ứng 199.000 cây quế giống (quế túi bầu 90.000 cây, quế rễ trần 109.000 cây), với tổng diện tích trồng 36,18 ha/81 hộ tham gia.

- Xã Trà Trung thực hiện cung ứng 200.000 cây quế giống (quế túi bầu 74.000 cây, quế rễ trần 126.000 cây), với tổng diện tích trồng 36,36 ha/62 hộ tham gia.

Qua kiểm tra, tỷ lệ cây sống đạt khoảng từ 70-80%.

b) Năm 2017: Tổ chức thực hiện cung ứng 2.294.447 cây quế giống (trong đó: cung ứng 268.307 cây quế túi bầu, quế rễ trần 2.026.140 cây) để thực hiện trồng với tổng diện tích 417,17 ha/689 hộ tham gia. Tổng kinh phí thực hiện 4.000 triệu đồng, cụ thể:

- Xã Trà Khê cung ứng 1.035.544 cây quế giống túi bầu, với tổng diện tích trồng 188,28 ha/285 hộ tham gia.

- Xã Trà Quân thực hiện cung ứng 1.047.072 cây quế giống (quế túi bầu 83.476 cây, quế rễ trần 990.596 cây), với tổng diện tích trồng 195,28 ha/264 hộ tham gia.

- Xã Trà Lãnh thực hiện cung ứng 184.831 cây quế giống túi bầu, với tổng diện tích trồng 36,6 ha/140 hộ tham gia.

Qua kiểm tra, tỷ lệ cây sống đạt khoảng 90%.

c) Năm 2018: Tổ chức thực hiện cung ứng 1.953.724 cây quế giống (trong đó: cung ứng 228.369 cây quế túi bầu, quế rễ trần 1.725.355 cây) để thực hiện trồng với tổng diện tích 355,22 ha/786 hộ tham gia. Tổng kinh phí thực hiện 3.600 triệu đồng, cụ thể:

- Xã Trà Nham cung ứng 774.783 cây quế giống (quế túi bầu 85.215 cây, quế rễ trần 689.568 cây), với tổng diện tích trồng 140,87 ha/293 hộ tham gia.

- Xã Trà Thanh thực hiện cung ứng 739.597 cây quế giống (quế túi bầu 83.002 cây, quế rễ trần 656.595 cây), với tổng diện tích trồng 134,47 ha/335 hộ tham gia.

- Xã Trà Thọ thực hiện cung ứng 439.343 cây quế giống (quế túi bầu 60.152 cây, quế rễ trần 379.191 cây), với tổng diện tích trồng 79,88 ha/158 hộ tham gia.

Qua kiểm tra, tỷ lệ cây sống đạt khoảng từ 85-90%.

### ***1.2. Kết quả triển khai thực hiện vùng chuyên canh cây quế năm 2019:***

Thực hiện Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019, Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh vượt dự toán HĐND tỉnh giao năm 2019; Nghị quyết số 06b/NQ-HĐND ngày 15/10/2018 của HĐND huyện Tây Trà về chủ trương đầu tư dự án phát triển vùng chuyên canh cây quế tại huyện Tây Trà.

Trong năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện 02 dự án hỗ trợ phát triển vùng chuyên canh cây quế trên địa bàn huyện, với tổng kinh phí thực hiện 16.800 triệu đồng (trong đó: vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện là 16.000 triệu đồng, tại các Quyết định: số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, số 384/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh; vốn đối ứng ngân sách huyện 800 triệu đồng), để thực hiện đầu tư cho 03 xã: Trà Phong, Trà Quân, Trà Khê, cụ thể

a) Thực hiện 01 dự án hỗ trợ phát triển vùng chuyên canh cây quế, với tổng mức đầu tư là 6.300 triệu đồng (trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện 6.000 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách huyện là 300 triệu đồng), với tổng diện tích thực hiện là 357,12 ha, trong đó: xã Trà Phong

123,26 ha, xã Trà Quân 153,52 ha, xã Trà Khê 80,32 ha (năm 2019 thực hiện 165,059 ha, năm 2020 thực hiện 192,061 ha).

- Về cơ cấu vốn: Hỗ trợ giống cây quế 5.401,44 triệu đồng, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật 158,4 triệu đồng, chi phí quản lý dự án 110,591 triệu đồng, chi phí tư vấn 291,211 triệu đồng, chi phí khác 38,297 triệu đồng.

- Về tiến độ thực hiện: Hiện nay, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã hoàn chỉnh các thủ tục và trình phê duyệt để thực hiện.

b) Thực hiện 01 dự án, với tổng mức đầu tư 10.500 triệu đồng (trong đó: Vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu ngân sách huyện là 10.000 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách huyện là 500 triệu đồng), để thực hiện đầu tư cho 03 xã (Trà Phong, Trà Quân, Trà Khê). Riêng đối với dự án này, Ban Quản lý dự án vùng chuyên canh cây quế huyện đang phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện các bước lập dự án, với tổng diện tích dự kiến thực hiện là 550 ha.

### **1.3. Tồn tại, khó khăn:**

- Việc triển khai dự án vùng chuyên canh cây quế trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn như: Người dân thường canh tác theo kiểu truyền thống nên trong quá trình thực hiện chưa đảm bảo về mặt thiết kế kỹ thuật, thông thường người dân có thói quen trồng với mật độ dày để thuận tiện cho việc chăm sóc và làm cỏ.

- Mặc dù đã xác định được địa điểm trồng, vùng trồng cụ thể nhưng trên cùng một diện tích canh tác người dân trồng rất nhiều loại cây nên ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất chuyên canh.

## **VI. Đánh giá kết quả thực hiện**

### **1. Thuận lợi:**

- Trong 07 tháng đầu năm 2019, với việc tổ chức chỉ đạo triển khai, thực hiện các chính sách, dự án thuộc khung Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, các chính sách đặc thù đối với huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn, các chính sách đối với dân tộc miền núi và hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, người nghèo, cùng với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, sự phối hợp thông qua các chương trình, hoạt động của Mặt trận, các hội đoàn thể và nỗ lực vươn lên của người nghèo.

Qua triển khai thực hiện các hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng các mô hình từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đã tạo điều kiện cho hộ nghèo thiếu vốn, thiếu kỹ thuật được hỗ trợ để làm ăn để vươn lên thoát nghèo.

- Thông qua việc hỗ trợ đã giúp cho các hộ dân biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nông, lâm nghiệp và chăn nuôi để phát triển kinh tế hộ gia đình. Sự đổi mới từ cơ chế chính sách hỗ trợ cho người dân 100% giống cây trồng, vật nuôi sang cơ chế hỗ trợ có sự tham gia đóng góp vốn của hộ

dân nên đã nâng lên ý thức làm ăn của người dân, sử dụng có hiệu quả của nguồn vốn do nhà nước hỗ trợ từ đó đã góp phần giúp cho nhân dân trên địa bàn ổn định đời sống, phát triển kinh tế, tạo thêm thu nhập, cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống của mình vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng.

- Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng đã được triển khai thực hiện theo trình tự ưu tiên các công trình phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phát huy tác dụng đã tạo điều kiện ngày càng tốt hơn cho nhân dân trong sản xuất và đời sống.

- Nhận thức trong nhân dân, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục có chuyển biến mạnh dẫn đến chuyển đổi hành vi để tự vươn lên thoát nghèo và phấn đấu vươn lên làm giàu. Nhiều dự án, chính sách giảm nghèo được thực hiện đồng bộ và phù hợp đã có tác động hỗ trợ mạnh mẽ giúp nhiều hộ nghèo nhanh chóng thoát nghèo.

- Kết quả tỷ lệ giảm nghèo vượt chỉ tiêu đề ra hàng năm, bình quân hàng năm tỷ lệ giảm nghèo trên địa bàn huyện đạt trên 5%/năm.

- Kết quả thu ngân sách trên địa bàn tăng so với cùng kỳ và đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần vào việc điều hành chi ngân sách đảm bảo theo dự toán được giao; chi ngân sách đã đáp ứng được nhu cầu cần thiết tại địa phương, đảm bảo các khoản chi cho con người và đảm bảo hoạt động cho hoạt động bộ máy của các cấp các ngành, các cơ quan đơn vị, bảo đảm chi cho sự nghiệp giáo dục, văn hóa - xã hội, thể dục thể thao và An ninh - Quốc phòng.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

- Công tác truyền thông, vận động tuy được các ngành, các cấp chú trọng, tuy nhiên chưa được sự phối hợp và hỗ trợ tích cực của các cấp, nhất là hội đoàn thể cấp cơ sở. Hơn nữa một bộ phận người nghèo chưa nhận thức đầy đủ về trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của mình trong công tác giảm nghèo và ngược lại một bộ phận người nghèo không muốn thoát nghèo còn trông chờ vào nhà nước đầu tư hỗ trợ, gây không ít khó khăn cho cán bộ trong thực hiện rà soát, bình xét xác định hộ thoát nghèo hàng năm.

- Các văn bản cấp trên hướng dẫn thực hiện chương trình ban hành chậm, nên trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình của địa phương còn hạn chế so với kế hoạch đề ra.

- Nguồn vốn ngân sách cấp trên phân bổ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong những năm qua bố trí còn thấp, việc huy động các nguồn lực khác trên địa bàn còn hạn chế.

- Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, các hộ nghèo chủ yếu là thuần nông, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn.

- Đối với chương trình cho vay hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 33 của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay trên địa bàn huyện số hộ có nhu cầu làm nhà ở theo đề án rất nhiều. Tuy nhiên nguồn vốn vay hỗ trợ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện 25 triệu đồng/hộ, hộ gia đình không có các khoản hỗ trợ nào khác

từ Quỹ người nghèo, các tổ chức doanh nghiệp và hỗ trợ từ người thân dòng tộc, nên đa phần hộ có nhu cầu thiết thực về nhà ở không có đủ khoản kinh phí để tự làm nhà hoặc sửa chữa nhà trong những năm gần đây. Nên ảnh hưởng đến chỉ tiêu kế hoạch tín dụng về nhà ở mà cấp trên giao.

- Đối với chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và vùng núi theo quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2017 – 2020, trong 06 tháng đầu năm 2019 đã thực hiện cho vay được 2.000 triệu đồng, với 71 hộ được tiếp cận vay vốn. Tuy nhiên, hiện nay nhu cầu vốn tín dụng ưu đãi đối với chương trình là rất lớn, nhưng nguồn vốn chưa đáp ứng được.

- Đối với chương trình cho vay giải quyết việc làm: hiện tại cần nhu cầu vốn để cho vay giải quyết tạo việc làm rất lớn nhưng vốn phân bổ của cấp trên (vốn ngân sách UBND tỉnh) hằng năm quá thấp chỉ từ 500 đến 700 triệu đồng, trong khi vốn từ ngân sách UBND huyện cân đối hằng năm chuyển ủy thác sách NHCXH để cho vay chỉ được 500 triệu đồng, không đủ đáp ứng cho nhiều lao động đang nhàn rỗi và có nhu cầu vốn để phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Đối với chương trình cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2015-2020, đến nay chưa thể thực hiện được, do những nguyên nhân như sau:

+ Hiện nay, UBND huyện chưa lập đề án, quy hoạch rừng sản xuất, chưa giao đất, giao rừng đến từng cá nhân hộ gia đình, hoặc người dân và hộ gia đình hiện tại chưa thực hiện các hoạt động trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch (nếu có) phát triển rừng được Nhà nước giao đất,... đối với đối tượng vay vốn trồng rừng sản xuất.

+ Đối với đối tượng vay vốn để chăn nuôi gia súc thì hộ đó phải là đang thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ rừng và phát triển rừng, gồm: bảo vệ khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng.

+ Tất cả các trường hợp trên phải được chính quyền địa phương cho phép khoanh nuôi bảo vệ rừng, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao đất, giao khoán ổn định đến từng cá nhân hộ gia đình (không phải ký với cộng đồng dân cư thôn) thì mới đủ cơ sở pháp lý.

+ Với điều kiện tại địa phương chưa cấp nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách và Chủ tịch UBND tỉnh chưa có quyết định về mức hỗ trợ, định mức cụ thể hoặc quy định loại cây gì, con gia súc... nên NHCSXH chưa có cơ sở xác định mức cho vay trồng rừng sản xuất và giải ngân cho vay theo quy định.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn còn thấp, khả năng tăng thu về số tuyệt đối không đáng kể, nguồn thu không ổn định, nguồn lực chủ yếu là dựa vào nguồn trợ cấp từ ngân sách tỉnh.

## PHẦN THỨ BA

### PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 05 THÁNG CUỐI NĂM 2019

#### 1. Đối với nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

- *Đối với kế hoạch vốn năm 2019*: Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công, tổ chức trực báo, kiểm tra hiện trường, tổ chức nghiệm thu khối lượng, lên phiếu giá để giải ngân vốn đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch vốn giao trong năm 2019. Đồng thời, tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tích cực phối hợp với các Sở, ngành có liên quan để hoàn chỉnh các thủ tục sớm khởi công công trình đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra. Tiếp tục tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư, tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình. Các chủ đầu tư, đơn vị đại diện chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các xã phải kiểm soát vốn ứng cho nhà thầu, vốn ứng giải phóng mặt bằng, có biện pháp thu hồi ứng.

- *Đối với kế hoạch vốn năm 2018 chưa giải ngân hết*: Đôn đốc các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện, lên phiếu giá, hoàn thành các thủ tục thanh toán vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện trong năm 2019. Chỉ đạo và làm việc với các đơn vị thi công để ký cam kết thời gian hoàn thành, nếu nhà thầu vẫn cố tình kéo dài thời gian thi công trình thì tiến hành phạt chậm tiến độ theo đúng quy định; đồng thời khẩn trương giải ngân hết kế hoạch vốn bố trí năm 2018, trách trường hợp giải ngân không hết kế hoạch vốn Trung ương thu hồi vốn.

#### 2. Đối với hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo (Tiểu dự án 3 - Dự án 1; Tiểu dự án 2 - Dự án 2):

- Tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ theo nội dung đã được quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các nội dung quy định tại Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình 135 và Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh đảm bảo đúng đối tượng được hỗ trợ, đối tượng được thụ hưởng chính sách giảm nghèo bền vững.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện đảm bảo tiến độ, đúng mùa vụ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả hỗ trợ từ các chương trình, chính sách giảm nghèo bền vững. Việc phân bổ vốn đảm bảo theo nguyên tắc dựa vào tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số hiện có của từng địa phương, xây dựng dự án để có kế hoạch triển khai thực hiện hỗ trợ. Tiếp tục thực hiện nhân rộng các mô hình giảm nghèo, các điển hình tiên tiến trong sản xuất vươn lên thoát nghèo. Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động cho lao động nông thôn miền núi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Tăng cường nâng cao nhận thức và tập huấn kỹ thuật sản xuất cho các hộ dân thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn như: kỹ thuật đất

trồng, cây trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ cây trồng; kỹ thuật chăn nuôi, làm chuồng trại, kiểm tra dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho vật nuôi. Tạo điều kiện để người dân chủ động nhận giống vào những thời điểm thích hợp. Thực hiện hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng đối với các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số để có vốn sản xuất và hình thành các mô hình bán trang trại, gia trại; hướng dẫn người nghèo sử dụng đúng mục đích và hiệu quả các nguồn vốn vay. Huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ cộng đồng xã hội chung sức thực hiện công tác giảm nghèo.

- Thông qua việc trồng rừng sản xuất, chăn nuôi, cho vay ưu đãi để tạo điều kiện cho các hộ gia đình có việc làm, tăng thu nhập; đồng thời, gia tăng diện tích rừng sản xuất, vật nuôi có giá trị kinh tế cao và tăng độ che phủ rừng trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục phối hợp với các ngành chức năng, nhất là các tổ chức doanh nghiệp xúc tiến lao động và việc làm để giải quyết việc làm phổ thông cho các lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn miền núi, gắn với hỗ trợ vốn vay ưu đãi để lao động nghèo có cơ hội tìm kiếm việc làm, sản xuất, kinh doanh; tham gia thị trường lao động trong nước, ngoài nước góp phần tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyên giao tiếp bộ khoa học, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với khoa học kỹ thuật.

- Tập trung tăng cường công tác tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, nêu gương các điển hình tiên tiến, lao động sản xuất kinh doanh giỏi; các mô hình điểm giảm nghèo có hiệu quả; phê phán các hiện tượng, không muốn vươn lên thoát nghèo; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân trong công tác giảm nghèo bền vững, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Tập trung giải quyết các thiếu hụt về dịch vụ xã hội của hộ nghèo: Đối với các hộ nghèo có thu nhập dưới chuẩn nghèo và có từ 3 chỉ số thiếu hụt trở lên, tập trung giải quyết các chỉ số thiếu hụt để hộ nghèo có thể thoát nghèo. Trong đó, ưu tiên giải quyết trước nhóm hộ nghèo thiếu hụt 3 và 4 chỉ số, trong điều kiện dễ thực hiện, theo thứ tự: dịch vụ y tế, tiếp cận thông tin, nước sạch, nhà vệ sinh, giáo dục.

### **3. Đối với các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:**

- Thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện; kịp thời kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện của từng chính sách hỗ trợ và đề ra những biện pháp, giải pháp chỉ đạo chặt chẽ và hiệu quả hơn. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền và phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận TQVN các cấp và các đoàn thể chính trị - xã hội với công tác giảm nghèo, cần xác định công tác giảm nghèo là của cả hệ thống chính trị trên địa bàn huyện. Phát huy trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo.

#### **4. Đối với dự án vùng chuyên canh cây quế:**

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quản lý, giám sát việc thực hiện có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của dự án; đồng thời phối hợp với Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội huyện tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân cải tạo vườn rừng, tổ chức sản xuất tập trung, chuyên canh có đầu tư, thâm canh nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng cây quế, nâng cao giá trị gia tăng của thương hiệu Quế Trà Bồng - Tây Trà trong những năm tiếp theo.

### **PHẦN THỨ TƯ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **IV. Kiến nghị, đề xuất:**

##### **1. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm xem xét:**

- Chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh sớm hoàn thành các hạng mục còn lại khu tái định cư NàKapak thôn Gõ, xã Trà Thanh, phân lô và bàn giao cho các hộ dân để sớm ổn định cuộc sống trước mùa mưa lũ năm 2019; đồng thời, bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện chính sách di dân vào khu tái định cư.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất): Thực hiện Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ hộ nghèo 15 triệu đồng/năm, hộ cận nghèo 12 triệu đồng/năm, hộ mới thoát nghèo 9 triệu đồng/năm. Với nguồn kinh phí tỉnh phân bổ cho huyện trong năm 2019 hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, hiện nay Ủy ban nhân dân huyện đã phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện xây dựng các dự án hỗ trợ phát triển cho các hộ dân trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, theo Kiểm toán Nhà nước và kết quả làm việc giữa các huyện nghèo với Văn phòng giảm nghèo Trung ương vào ngày 26/7/2019 thì hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất chỉ được hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ nghèo/giai đoạn, 12 triệu đồng/hộ cận nghèo/giai đoạn, 9 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo/giai đoạn. Vì vậy, với mức hỗ trợ cho một giai đoạn quá thấp không đảm bảo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được thụ hưởng chính sách đảm bảo thoát nghèo bền vững. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung nâng mức hỗ trợ hộ nghèo 75 triệu đồng/giai đoạn (5 năm), hộ cận nghèo 60 triệu đồng/giai đoạn (5 năm), hộ mới thoát nghèo 45 triệu đồng/giai đoạn (5 năm).

- Đối với nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt, đề nghị



cấp có thẩm quyền hằng năm sớm phân khai kế hoạch vốn và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án để triển khai thực hiện, đảm bảo giải ngân vốn đúng thời gian quy định.

- Nâng mức kế hoạch vốn cho vay đối với chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ từ 2.000 triệu đồng lên 5.000 triệu đồng. Vì hiện nay trên địa bàn huyện nhu cầu tín dụng ưu đãi đối với chương trình này là rất lớn, nhưng nguồn vốn chưa đáp ứng được nhu cầu vay của người dân.

- Đối với chương trình cho vay giải quyết việc làm: Hiện tại nhu cầu vốn để cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn huyện rất lớn, nhưng vốn phân bổ của tỉnh hằng năm quá thấp từ 500 triệu đồng đến 700 triệu đồng, trong khi đó vốn ngân sách huyện cân đối hằng năm chuyển ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay chỉ được 500 triệu đồng. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nâng hạng mức cho vay giải quyết việc làm hằng năm từ 700 triệu đồng lên 1.000 triệu đồng để đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Đối với chương trình cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2015-2020, đến nay trên địa bàn huyện chưa thực hiện được. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức hỗ trợ, định mức cho vay cụ thể để có cơ sở xác định mức cho vay trồng rừng sản xuất cho các hộ dân có nhu cầu vay vốn để trồng rừng sản xuất.

- Đối với chính sách hỗ trợ biểu dương, khen thưởng cho các hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

Hiện nay với mức hỗ trợ: 10 triệu đồng đối với hộ thoát nghèo 02 năm liên tục và 5 triệu đồng đối với hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục là thấp. Do đó, đề nghị nâng lên mức 15 triệu đối với hộ thoát nghèo 02 năm liên tục, 10 triệu đồng đối với hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục, để các hộ dân có điều kiện triển khai các phương án sản xuất, phát triển kinh tế, nâng mức thu nhập, tạo việc làm góp phần giảm nghèo bền vững.

- Đối với chính sách hỗ trợ cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

+ Sớm phân bổ kinh phí kịp thời cho huyện để thực hiện chi trả cho các sinh viên, học viên cao học là người dân tộc thiểu số đủ điều kiện thụ hưởng chính sách này.

+ Cần bổ sung đối với sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người đồng bào dân tộc thiểu đang theo học các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học các trường dân lập để được hưởng theo chế độ, chính sách này.

+ Cần có cơ chế, chính sách thu hút tạo việc làm đối với các đối tượng theo Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh sau khi hoàn thành xong khóa học.

Trên là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chính sách dân tộc, chính sách tín dụng ưu đãi 07 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 05 tháng cuối năm 2019. Ủy ban nhân dân huyện kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh được biết./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT các PCT.UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc;
- Ủy ban nhân dân các xã;
- Văn phòng huyện: C,PVP,CVTH;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Anh Ngọc**